

Số: 15/2021/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 14 tháng 10 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
**Về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công
nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 3
(GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 6080/TTr-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 về Kế hoạch vốn đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021 là 4.214.450 triệu đồng (giảm 265.309 triệu đồng), trong đó:

1. Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 386.100 triệu đồng;
2. Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 225.000 triệu đồng;

3. Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 1.500.000 triệu đồng;
4. Vốn đầu tư theo các Chương trình mục tiêu là 977.891 triệu đồng;
5. Vốn nước ngoài là 143.627 triệu đồng (giảm 267.333 triệu đồng);
6. Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương là 166.600 triệu đồng;
7. Vay vốn tồn ngân kho bạc nhà nước là 200.000 triệu đồng (giảm 200.000 triệu đồng);
8. Bổ sung nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2020 là 150.000 triệu đồng (tăng theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh);
9. Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết các năm trước chuyển sang là 445.573 triệu đồng (tăng 32.365 triệu đồng theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh);
10. Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang năm 2021 là 12.904 triệu đồng (tăng theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh);
11. Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách các năm trước chuyển sang là 6.755 triệu đồng (tăng theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, với những nội dung cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021 và phân bổ danh mục chi tiết nguồn dự phòng Ngân sách Trung ương năm 2020 và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021, nhưng có điều chỉnh một số nội dung đầu tư của các dự án cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021 được chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết, cụ thể:

a) Nguồn ngân sách Trung ương (vốn trong nước): Bổ sung danh mục, kế hoạch vốn của 01 dự án chuẩn bị đầu tư; điều chỉnh nội dung đầu tư và kế hoạch vốn

của 02 dự án chuyển từ chuẩn bị đầu tư sang thực hiện dự án, với tổng số vốn điều chỉnh tăng/giảm là 200 triệu đồng;

b) Nguồn ngân sách Trung ương (vốn nước ngoài): Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 04 dự án, với tổng số vốn điều chỉnh giảm là 267.333 triệu đồng;

c) Nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 01 dự án để bổ sung tăng cho 19 dự án (trong đó có 01 dự án thực hiện dự án và 18 dự án chuẩn bị đầu tư), với số vốn điều chỉnh tăng/giảm là 2.500 triệu đồng;

d) Nguồn vốn Xổ số kiến thiết: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 29 dự án để tăng kế hoạch vốn cho 07 dự án (trong đó có bổ sung danh mục của 03 dự án) với tổng số vốn điều chỉnh tăng/giảm là 68.405 triệu đồng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 3 (giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 14 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 10 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

DANH MỤC CÔNG TRÌNH

Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước năm 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

DVT: triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
-	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>811.306</u>	<u>543.973</u>	<u>71.105</u>	<u>338.438</u>	
A	ĐIỀU CHỈNH TRONG PHẠM VI NGHỊ QUYẾT 23/2020/NQ-HĐND, NGHỊ QUYẾT 01/2021/NQ-HĐND VÀ NGHỊ QUYẾT 08/2021/NQ-HĐND	811.306	543.973	71.105	338.438	

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
I	Bổ sung danh mục, kế hoạch vốn và Điều chỉnh nội dung đầu tư và kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương (vốn trong nước)	60.703	60.703	200	200	
1	Đường giao thông kết hợp đê bao ngăn mặn liên huyện Mỏ Cày Nam - Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	10.000	10.000			<i>Chuyển từ chuẩn bị đầu tư sang thực hiện dự án</i>
2	Cầu Rạch Vong	50.703	50.503		200	
3	Cầu Bình Thới 2		200	200		<i>Bổ sung vốn để chuẩn bị đầu tư</i>
II	Điều chỉnh giảm dự toán nguồn ngân sách Trung ương (vốn nước ngoài)	410.960	143.627	-	267.333	

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
1	Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng Sông Cửu Long (MD-ICRSL) WB9	154.960	96.040		58.920	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
2	Dự án tăng cường QL đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG)	10.000	4.923		5.077	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
3	Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiêu dự án thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	138.000	24.664		113.336	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
4	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bến Tre	108.000	18.000		90.000	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
III	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại quyết định số 26/2020/QĐ-TTg	29.351	29.351	2.500	2.500	
III.1	Thực hiện dự án	29.351	28.761	1.910	2.500	

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
1	Doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ huyện Ba Tri	3.500	1.000		2.500	Giảm vốn do chưa có khối lượng
2	Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng Sông Cửu Long (MD-ICRSL) WB9	25.851	27.761	1.910		Bổ trí vốn đối ứng để giải ngân vốn nước ngoài theo Hiệp định
III.2	Bổ sung danh mục dự án chuẩn bị đầu tư	-	590	590	-	
1	Đường gom Đường vào Cầu Rạch Miễu 2		500	500		Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư dự án
2	Hoàn thiện hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn 06 xã thuộc thành phố Bến Tre		10	10		Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư dự án
3	Dự án Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, quan trắc tự động, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên		5	5		Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư dự án

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
4	Trường Tiểu học Long Định		5	5		Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư dự án
5	Trường Mẫu giáo Sao Mai xã Long Định		5	5		Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư dự án
6	Trường Mẫu giáo Hoa Phượng		5	5		Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư dự án
7	Nâng cấp sửa chữa Trường Trung học cơ sở Vang Quới		5	5		Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư dự án
8	Trường Mẫu giáo Thạnh Ngãi		5	5		Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư dự án
9	Trường Tiểu học Phước Mỹ Trung		5	5		Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư dự án
10	Trường THCS Phú Long		5	5		Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư dự án
11	Trường Mẫu giáo Phú Long		5	5		Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư dự án
12	Trường Mầm non Bình Thạnh		5	5		Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư dự án
13	Trường THCS An Thuận		5	5		Bổ sung vốn chuẩn bị

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
						<i>đầu tư dự án</i>
14	Trường TH Phú Lễ, huyện Ba Tri		5	5		<i>Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư dự án</i>
15	Trường THCS Phú Lễ, huyện Ba Tri		5	5		<i>Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư dự án</i>
16	Trường THCS Tam Phước, huyện Châu Thành		5	5		<i>Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư dự án</i>
17	Trường TH Phú An Hòa, huyện Châu Thành		5	5		<i>Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư dự án</i>
18	Trường THCS Tân Phú, huyện Châu Thành		5	5		<i>Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư dự án</i>
IV	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn Xổ số kiến thiết	310.292	310.292	68.405	68.405	
1	Tăng cường CSVC ngành Giáo dục Đào tạo lồng ghép hỗ trợ chương trình nông thôn mới					
	<i>Trường Mầm non Trúc Giang</i>	<i>6.000</i>	<i>5.100</i>		<i>900</i>	<i>Giảm vốn do hết khối lượng thanh toán</i>

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	<i>Trường Tiểu học Vĩnh Hòa</i>	<i>3.814</i>	<i>4.574</i>	<i>760</i>		<i>Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành</i>
	<i>Trường Tiểu học Thừa Đức</i>	<i>10.000</i>	<i>4.400</i>		<i>5.600</i>	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán</i>
2	Hỗ trợ đầu tư CSVC, Mua sắm trang thiết bị dạy học thuộc Kế hoạch số 1658/KH-UBND ngày 10/4/2019 về Chương trình sách Giáo khoa giáo dục phổ thông mới từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025					
	<i>Dự án mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 cho các trường Tiểu học.</i>	<i>20.000</i>	<i>25.000</i>	<i>5.000</i>		
	<i>Dự án mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6 cho các trường Trung học cơ sở.</i>	<i>30.000</i>	<i>35.645</i>	<i>5.645</i>		

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	<i>Dự án mua sắm thiết bị dạy học dùng chung cho lớp 2 các trường Tiểu học và lớp 6 cho các trường THCS trên địa bàn tỉnh.</i>	20.000	32.000	12.000		
	<i>Trường Trung học cơ sở Phan Triêm</i>	9.000	7.350		1.650	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
	<i>Trường Mẫu giáo An Phước</i>	9.000	5.500		3.500	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
	<i>Trường THCS An Phước</i>	9.000	7.000		2.000	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
	<i>Trường Tiểu học An Khánh</i>	13.000	9.000		4.000	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
	<i>Trường TH Hòa Lợi</i>	7.000	6.000		1.000	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
	<i>Trường Mẫu giáo Phú Khánh</i>	7.000	5.400		1.600	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
	<i>Trường THCS Phú Khánh</i>	6.500	4.700		1.800	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
	<i>Trường Mầm non Tân Phong</i>	2.500	1.500		1.000	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	<i>Trường Tiểu học Vang Quới Đông</i>	<i>7.000</i>	<i>500</i>		<i>6.500</i>	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
	<i>Trường Mẫu giáo Hưng Lễ</i>	<i>2.500</i>	<i>1.500</i>		<i>1.000</i>	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
	<i>Trường THCS Tân Bình</i>	<i>9.000</i>	<i>6.000</i>		<i>3.000</i>	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
	<i>Trường THCS Phước Mỹ Trung</i>	<i>5.000</i>	<i>4.000</i>		<i>1.000</i>	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
	<i>Trường TH - THCS Phước Hiệp</i>	<i>11.901</i>	<i>7.901</i>		<i>4.000</i>	<i>Giảm vốn do hết khối lượng thanh toán</i>
	<i>Trường TH An Hiệp</i>	<i>10.000</i>	<i>8.000</i>		<i>2.000</i>	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
	<i>Trường THCS An hiệp</i>	<i>10.000</i>	<i>9.000</i>		<i>1.000</i>	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
	<i>Trường Tiểu học An Bình Tây</i>	<i>9.000</i>	<i>8.000</i>		<i>1.000</i>	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
	<i>Trường THCS Bình Thắng</i>	<i>9.000</i>	<i>7.000</i>		<i>2.000</i>	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
3	Trường THPT Nhuận Phú Tân	12.000	10.000		2.000	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
4	Trường TH Tân Phong	10.000	7.000		3.000	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
5	Trường THCS Thanh Hải	10.000	8.000		2.000	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
6	Tăng cường CSVC ngành Y tế					
	<i>Cải tạo, sửa chữa, mở rộng Khoa Nhi (cũ) để bố trí Khoa Tim mạch Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu</i>	5.607	5.500		107	<i>Thanh quyết toán công trình</i>
	<i>Cải tạo, sửa chữa khoa sản - Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu</i>	1.070	822		248	<i>Thanh quyết toán công trình</i>
7	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các Khoa Nội tổng hợp; Nội thần kinh - Nội tiết; Tai mũi họng; Đông y Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	14.000	6.000		8.000	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
8	Trung tâm y tế huyện Mỏ Cày Bắc	15.600	10.600		5.000	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
9	Trung tâm y tế huyện Chợ Lách	5.800	4.300		1.500	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
10	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Tri	5.000	4.000		1.000	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
11	Bệnh viện Đa khoa Cù Lao Minh	5.000	4.000		1.000	<i>Giảm vốn do chưa có khối lượng</i>
12	Dự án Mua sắm trang thiết bị y tế cho Khoa hồi sức tích cực của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu (50 giường - giai đoạn 1)		34.000	34.000		<i>Bổ sung danh mục và vốn do đầu tư khẩn cấp</i>
13	Dự án Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ phòng chống dịch Covid-19 cho các Bệnh viện, Bệnh viện dã chiến		10.000	10.000		<i>Bổ sung danh mục và vốn do đầu tư khẩn cấp</i>
14	Trường Tiểu học Tam Phước		1.000	1.000		<i>Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để thực hiện dự án, hoàn thành tiêu chí xã nông thôn mới</i>